

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST – DS ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn:*

1/ Bà Lữ Thị T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số nhà 55/3, đường P, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Ông Lữ Văn Th, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Số nhà 28, đường T, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Bà Lữ Thị T1, sinh năm 1957, chết ngày 16/5/2022; Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 116, đường P, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Bà Lữ Thị T1, gồm có:

- Ông Võ Ân, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số nhà 116, đường P, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Võ Quốc B, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số nhà 116, đường P, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Võ Quốc V, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 11, đường Đ, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Võ Thị Bích H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà 116, đường P, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Â, anh B, và chị H ủy quyền cho anh V tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền được Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc Anh chứng nhận ngày 05/7/2022.

+ *Bị đơn*: Bà Lữ Thị Thu N, sinh năm 1963; Nơi cư trú: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lữ Thị T, Bà Lữ Thị Thu N, Ông Lữ Văn Th, Bà Lữ Thị T1 (bà Thúc đã chết, người kế thừa gồm: Ông Võ Â, Anh Võ Quốc B, Anh Võ Quốc V, Chị Võ Thị Bích H; do anh V ủy đại diện theo ủy quyền) đều công nhận như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích 522,8m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK); địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố 6, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi được công nhận theo Bản án số 31/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản chung của Bà Lữ Thị T, Bà Lữ Thị T1, Ông Lữ Văn Th và Bà Lữ Thị Thu N (quyền sử dụng đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); giá trị quyền sử dụng đất như trên 383.000đồng/m².

2.2. Bà Lữ Thị T, Bà Lữ Thị Thu N, Ông Lữ Văn Th, Anh Võ Quốc V tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích 522,8m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK); địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố 6, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

2.2.1. Ông Lữ Văn Th được chia, nhận quyền sử dụng đất tại Lô số 46A, diện tích 118,4m² thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK); địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố 6, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; giá trị quyền sử dụng đất là: 118,4m² x 383.000đồng/m² = 45.347.200đồng.

2.2.2. Bà Lữ Thị T được chia, nhận quyền sử dụng đất tại Lô số 46B, diện tích 132,8m² thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK); địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố 6, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; giá trị quyền sử dụng đất là: 132,8m² x 383.000đồng/m² = 50.862.400đồng.

2.2.3. Bà Lữ Thị Thu N được chia, nhận quyền sử dụng đất tại Lô số 46C, diện tích 134,7m² thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK); địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố 6, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; giá trị quyền sử dụng đất là: 134,7m² x 383.000đồng/m² = 51.590.100đồng.

2.2.4. Ông Võ Quốc V được chia, nhận quyền sử dụng đất tại Lô số 46D, diện tích 136,9m² thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK); địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố 6, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; giá trị quyền sử dụng đất là: 136,9m² x 383.000đồng/m² = 52.432.700đồng.

Có sơ đồ phân chia kèm theo thể hiện vị trí, diện tích, kích thước các cạnh, ranh giới các lô đất phân chia cho từng người kèm theo Quyết định này.

Đối với diện tích đất mỗi người được nhận có giá trị cao hơn hoặc có diện tích đất nhiều hơn lô đất mà người khác được chia, nhận thì người đó không phải thối lại giá trị chênh lệch cho người khác.

Các bên đương sự không tranh chấp về tài sản gắn liền với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Lữ Thị Thiện, Bà Lữ Thị Thu N, Ông Lữ Văn Th, Anh Võ Quốc V được quyền, nghĩa vụ đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tại Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia, nhận như trên theo quy định của pháp luật đất đai.

2.3. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* 3.000.000đồng, Bà Lữ Thị T, Bà Lữ Thị Thu N, Ông Lữ Văn Th, Bà Lữ Thị T1 (do Anh Võ Quốc V kế thừa) cùng chịu, mỗi người phải chịu số tiền 750.000đồng. Bà Lữ Thị T1, Bà Lữ Thị T và Ông Lữ Văn Th đã nộp tạm ứng 3.000.000đồng nên được khấu trừ. Bà Lữ Thị Thu N phải hoàn trả lại cho Bà Lữ Thị T, Ông Lữ Văn Th Anh Võ Quốc V số tiền 750.000đồng (*bảy trăm năm chục nghìn đồng*); bà Thiện, ông Thọ và ông Vỹ, mỗi người được hoàn trả số tiền 250.000đồng (*hai trăm năm chục nghìn đồng*).

2.4. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

2.4.1. Bà Lữ Thị T1 (do Anh Võ Quốc V kế thừa quyền, nghĩa vụ) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được Tòa án xét miễn tiền án phí phải nộp theo đơn yêu cầu ngày 15/10/2021.

2.4.2. Bà Lữ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 50.862.400đồng x 2,5%, thành tiền: 1.271.000đồng (*một triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

2.4.3. Bà Lữ Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 51.590.100đồng x 2,5%, thành tiền: 1.289.000đồng (*một triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

2.4.4. Ông Lữ Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 45.347.200đồng x 2,5%, thành tiền: 1.133.000đồng (*một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền phải có nghĩa vụ thực hiện như trên, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải trả chưa được thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

5. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THA huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Quang Toại

**TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

BIÊN BẢN

GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN VÀ HÒA GIẢI THÀNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Căn cứ Điều 90, 92, 93 và 94 Luật HN&GD năm 2000;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 12 tháng 10 năm 2012

Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số/2012/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn về việc **“Tranh chấp về HN&GD (ly hôn)”**.

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn phước và chị Nguyễn Tài Chu Sa (Chi Sa) thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: giao cháu Lê Nguyễn Tấn Đức, sinh ngày 28/4/2007 cho anh Lê Tấn Phước trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: các bên đương sự không yêu cầu, nên Tòa không giải quyết;

Chị Nguyễn Tài Chu Sa (Chi Sa) có quyền đi, lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí HN&GD sơ thẩm*: 100.000đồng (một trăm nghìn đồng)

Anh Phước có nghĩa vụ nộp sung công quỹ nhà nước nhưng anh Phước đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/04677, ngày 12/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn nên được khấu trừ xong. Còn hoàn trả lại cho anh Phước 100.000đồng (một trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán – chủ trì phiên hòa giải:

Các bên đương sự:

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.